

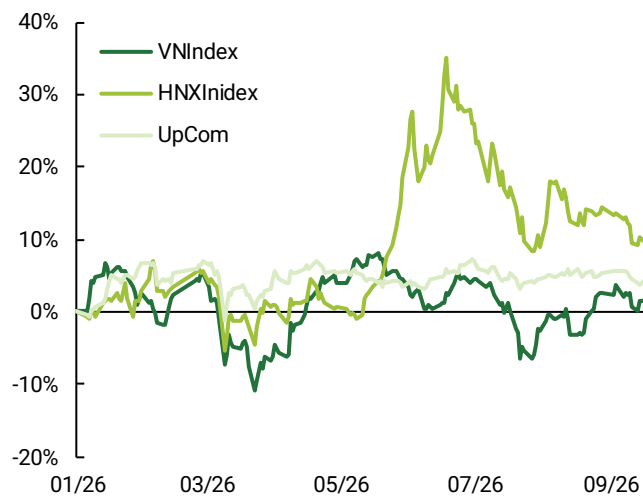
VN-Index **1822.77 (0.70%)**
 772 Tr. cổ phiếu 18045.5 Tỷ VND (21.10%)

HNX-Index **273.9 (0.25%)**
 52 Tr. cổ phiếu 871.6 Tỷ VND (18.02%)

UPCOM-Index **126.16 (0.14%)**
 24 Tr. cổ phiếu 394.1 Tỷ VND (-47.77%)

VN30F1M **1975.50 (1.15%)**
 227,973 HD OI: 0,000 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1822.8, tăng +12.7 điểm (+0.70%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Đà tăng cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- **Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán trở lại chi phối về cuối khiến chỉ số thu hẹp một phần đà tăng. Dòng tiền tiếp tục luân chuyển nhanh giữa các nhóm ngành. Đáng chú ý, dù bán ròng, lực mua của khối ngoại tại các mã blup chip, đặt biệt ở nhóm ngân hàng góp phần thúc đẩy sắc xanh cho thị trường.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Bất động sản: NVL (+2.0%), DXG (+2.4%), TCH (+3.5%) | Dịch vụ tài chính: CTS (+3.1%), VPX (+3.2%), VCI (+3.9%) | Ngân hàng: VPB (+2.2%), NAB (+4.3%), SSB (+4.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: VSC (+1.1%), GEX (+2.4%), GEE (+4.2%). Diễn biến yếu tr ong phiên: Dầu khí: PVD (-2.3%), PLX (-1.1%) | Hóa chất: HII (-5.1%), DCM (-1.8%), DPM (-0.4%) | Bảo hiểm: BVH (-2.3%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VPB, CTG, SSB, LPB - Chiều giảm | GAS, BVH, PLX, PVD.
- Giao dịch Khối ngoại Bán ròng gần 370 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VHM, VIC, VIX, trong khi mua ròng HDB, MBB, FPT.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** bật tăng nhưng chưa thể đóng cửa ở mức cao nhất phiên, hàm ý lực cung tại vùng giá cao vẫn chi phối. Chỉ số bước đầu tiếp cận vùng cản 1820–1840 điểm, đây là khu vực quan trọng sẽ quyết định khả năng hồi phục. Nếu bứt phá thành công, VN-Index có thể thoát khỏi nhịp điều chỉnh và hướng lên vùng 1880–1900 điểm. Ngược lại, nếu không thể vượt cản hoặc xuất hiện tín hiệu suy yếu tại đây, áp lực bán hoàn toàn có thể trở lại chi phối trong các phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ duy trì xu hướng hiện quanh 1770 điểm.
- **Đối với HNX-Index**, chỉ số cũng lấy lại sắc xanh nhưng chưa đủ động lực bứt phá. Cần thêm nền tảng vượt ngưỡng 278 để xác nhận mẫu hình hồi phục. Trái lại, nếu giá quay lại mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- **Chiến lược:** Nhà đầu tư nên quản trị danh mục theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu trước bối cảnh phân hóa. Nếu xuất hiện mã sập gãy, có thể tận dụng nhịp hồi để hạ bớt vị thế. Ngược lại, với những cổ phiếu vẫn giữ được các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, chỉ phù hợp khẩu vị rủi ro cao và ưu tiên giao dịch ngắn hạn theo dòng tiền. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Dầu khí, Hóa chất.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi VPB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,822.8	📉	0.7%	-0.4%	5.5%	18,045.5	📈	21.1%	32.5%	29.7%	771.7	📈	22.8%	58.5%	47.6%	
HNX-Index	273.9	📉	0.2%	-1.6%	-1.7%	871.6	📈	18.0%	31.6%	38.9%	51.6	📈	11.8%	28.2%	40.5%	
UPCOM-Index	126.2	📉	0.1%	-0.6%	-1.6%	394.1	📉	-47.8%	21.5%	12.6%	23.6	📉	-32.1%	34.7%	35.9%	
VN30	1,975.0	📈	1.1%	-0.1%	5.2%	10,873.1	📈	30.5%	26.1%	37.9%	331.0	📈	36.0%	44.2%	43.0%	
VNMID	1,875.2	📉	1.0%	-2.2%	-2.3%	5,861.7	📈	14.7%	43.2%	14.9%	308.2	📈	16.7%	57.8%	27.6%	
VNSML	1,227.8	📉	0.3%	-0.9%	-1.9%	850.2	📉	-24.3%	24.5%	43.8%	69.7	📉	-5.5%	32.4%	72.5%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	642.2	📈	1.2%	1.65%	3.5%	5,375.7	📈	29.9%	4.5%	17.5%	233.5	📈	20.9%	2.8%	14.6%	
Bất động sản	1,028.7	📉	0.2%	-2.6%	14.6%	2,705.3	📈	2.7%	-7.2%	-8.4%	94.9	📈	10.6%	-0.9%	9.9%	
Dịch vụ tài chính	272.7	📈	2.0%	-3.2%	-3.0%	2,698.7	📈	74.7%	20.7%	36.5%	149.9	📈	63.0%	14.4%	35.9%	
Công nghiệp	228.2	📈	1.0%	0.2%	-1.3%	1,205.0	📈	35.5%	5.4%	35.6%	50.6	📈	37.2%	6.0%	44.7%	
Tài nguyên cơ bản	468.2	📉	1.0%	-2.9%	-0.3%	551.8	📈	65.7%	5.1%	8.5%	29.0	📈	55.0%	-1.6%	3.8%	
Xây dựng - Vật Liệu	153.3	📈	1.4%	-1.0%	-2.4%	370.0	📈	20.5%	-11.6%	-2.8%	25.5	📈	17.6%	-10.3%	7.2%	
Thực phẩm	496.0	📉	0.5%	-0.2%	0.8%	1,055.8	📈	3.2%	21.3%	11.3%	24.4	📉	-15.3%	10.3%	2.8%	
Bán Lẻ	1,389.2	📈	1.6%	0.1%	-4.9%	866.1	📈	65.1%	2.1%	56.2%	11.4	📈	23.9%	-15.2%	34.5%	
Công nghệ	399.1	📉	0.7%	-0.4%	7.2%	591.3	📉	0.2%	11.7%	16.0%	8.3	📉	-27.0%	-17.3%	-14.0%	
Hóa chất	168.7	📉	0.0%	0.6%	3.7%	362.0	📉	-29.9%	-18.9%	3.5%	15.0	📉	-25.2%	-18.9%	14.4%	
Tiện ích	778.1	📉	-0.5%	2.3%	5.6%	322.1	📉	-22.8%	-13.8%	1.9%	8.6	📉	-43.5%	-36.6%	-32.7%	
Dầu khí	119.9	📉	-0.2%	11.0%	14.4%	1,105.5	📉	-9.6%	4.77%	73.0%	38.1	📉	-7.5%	2.2%	60.6%	
Dược phẩm	383.8	📉	-0.2%	-0.9%	-1.0%	101.8	📉	-60.4%	-17.2%	69.2%	3.2	📉	-65.8%	-34.6%	27.8%	
Bảo hiểm	107.8	📉	-1.8%	7.9%	1.3%	78.0	📈	9.3%	0.2%	101.2%	1.3	📈	17.5%	-0.6%	77.2%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,822.8	0.70%	2.1%	13.8x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,583	1.32%	25.7%	14.8x	1.4x
JCI-Index	Indonesia	6,462	0.40%	-25.3%	14.3x	1.7x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,415	-0.23%	0.9%	14.9x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,959	0.70%	-1.6%	8.9x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,876	-0.41%	-2.3%	16.7x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,604	-0.44%	-4.0%	12.1x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	64,136	0.33%	27.4%	20.3x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,552	-0.45%	10.3%	25.9x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	51,462	-1.21%	7.1%	22.5x	5.7x
FTSE 100	Anh	10,726	0.36%	8.0%	14.8x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,301	0.55%	8.8%	17.0x	2.4x
DX		100.2	0.56%	1.9%		
USD/VND		26,002	0.062%	-1.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

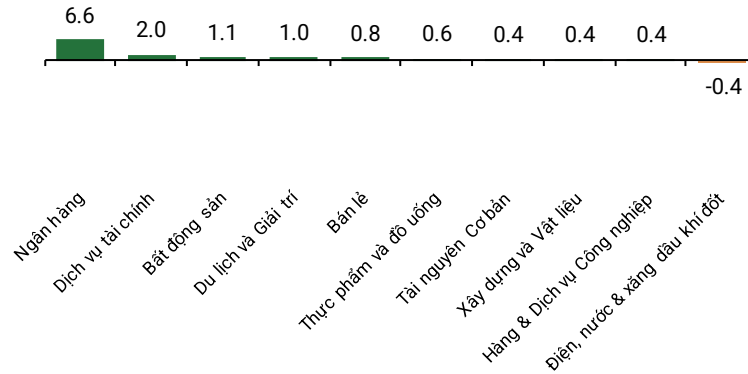
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-2.13%	14.0%	70.2%	52.4%
Dầu WTI	▼	-1.81%	19.0%	75.2%	57.0%
Khí gas	▼	-0.2%	7.3%	-21.7%	-6.9%
Than cốc (*)	—	0.0%	26.6%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	—	0.1%	2.0%	1.7%	-3.2%
PVC (*)	▼	-0.2%	4.3%	6.0%	-1.9%
Phân Urea	—	0.0%	16.5%	22.8%	13.1%
Cao su thiên nhiên	—	0.0%	6.8%	32.8%	37.9%
Bông Cotton	—	0.0%	-4.3%	25.2%	22.1%
Đường	▼	-0.4%	6.1%	19.3%	15.2%
World Container Index	—	0.5%	3.7%	103.4%	120.2%
Baltic Dirty tanker Index	▲	2.6%	63.4%	249.8%	303.3%
Vàng	▲	1.05%	-2.4%	-0.2%	17.7%
Bạc	▲	1.45%	-2.9%	-10.8%	53.3%

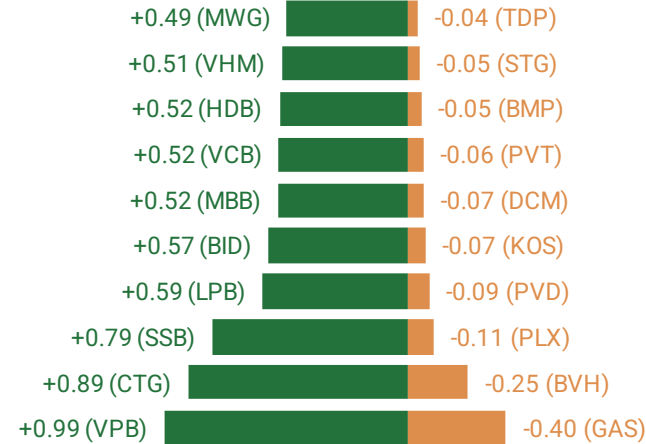
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

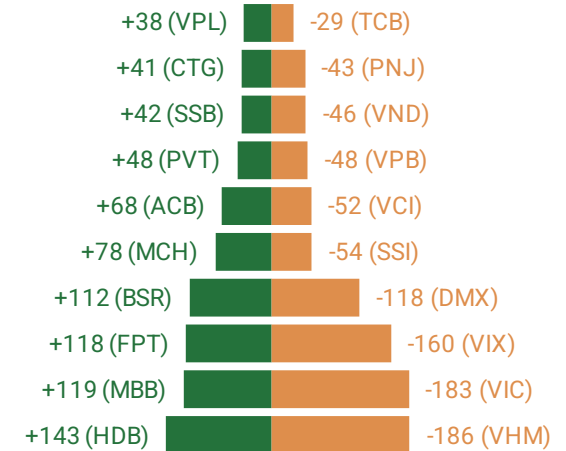
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



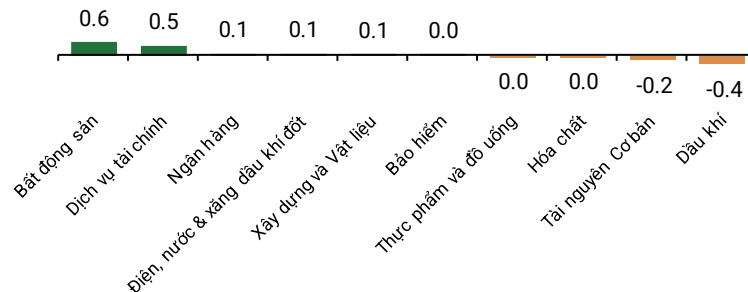
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



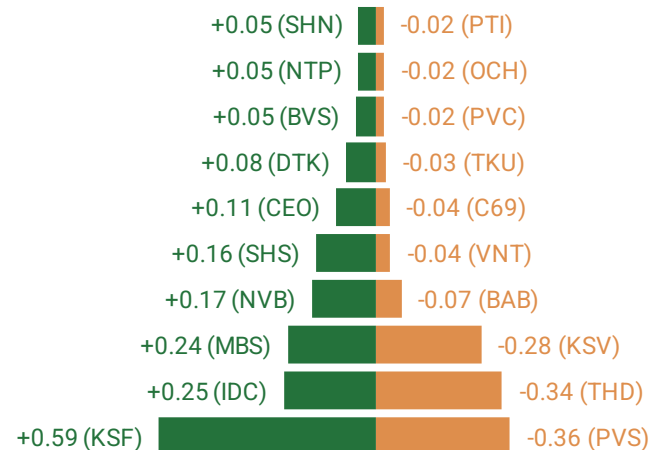
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



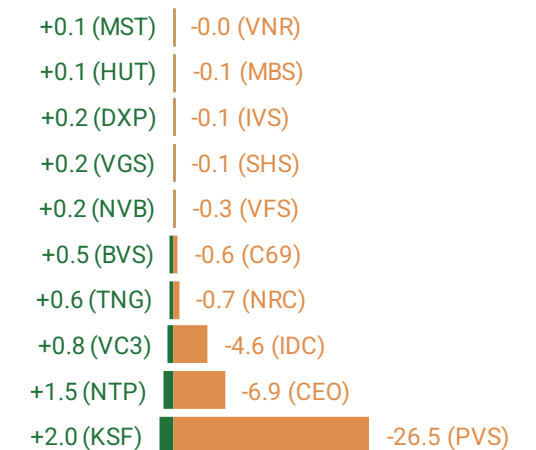
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



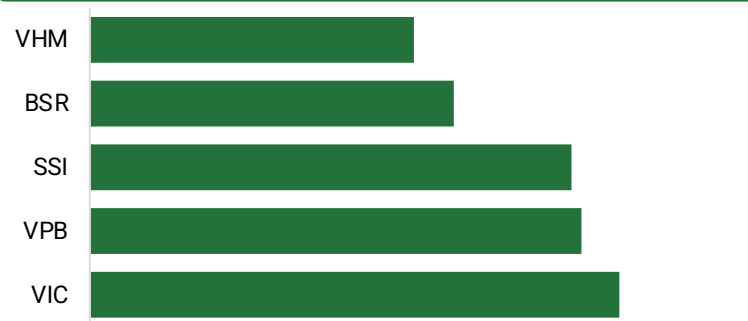
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIC	VPB	SSI	BSR	VHM
%DoD	0.0%	2.2%	2.9%	0.3%	0.4%
Giá trị	958	890	870	658	587

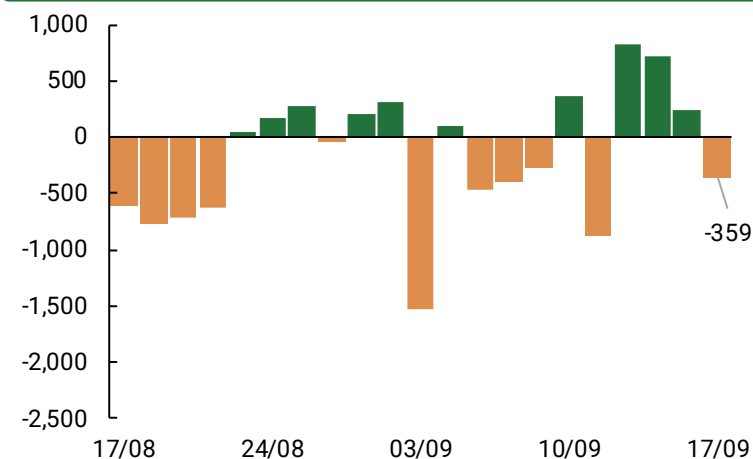
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	HDB	GEX	EIB	DMX	FRT
%DoD	1.8%	2.4%	1.2%	1.2%	1.6%
Giá trị	409	340	198	160	152

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



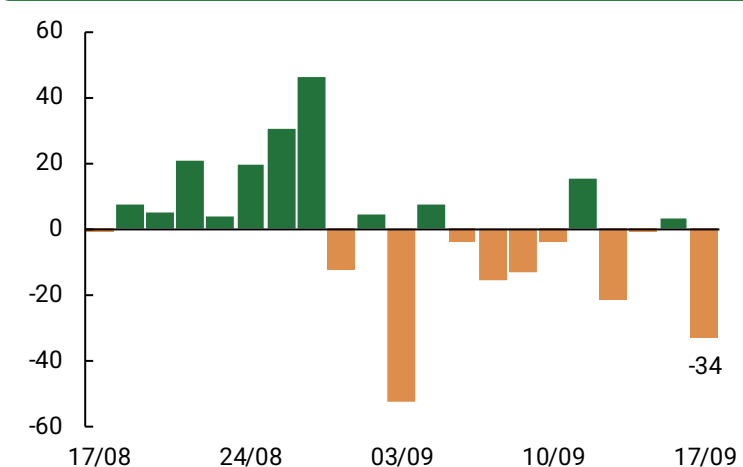
	PVS	SHS	IDC	MBS	CEO
%DoD	-2.9%	2.1%	3.2%	2.4%	2.6%
Giá trị	196	172	68	57	56

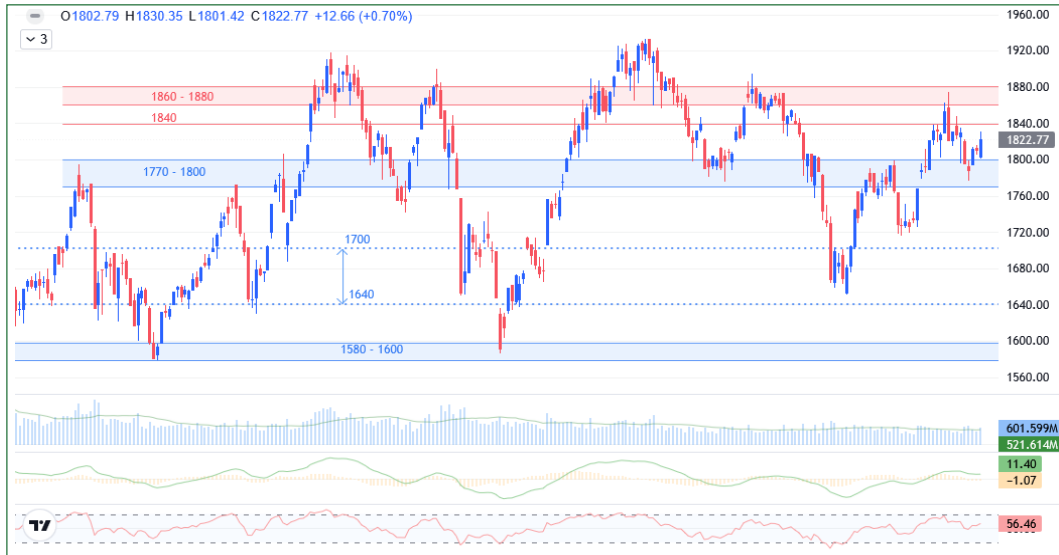
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	MST	HMH	MBS	SCI
%DoD	0.0%	3.2%	-9.9%	2.4%	-2.2%
Giá trị	12	8	8	1	0

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh có bóng phía trên, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1770.
- ✓ Kháng cự: 1840 | 1900.
- ✓ MACD, RSI cải thiện nhưng chưa xác nhận.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.

Kịch bản: Chỉ số bật tăng nhưng chưa thể đóng cửa ở mức cao nhất, hàm ý lực cung vẫn chi phối. Vùng cản 1830–1840 điểm sẽ quyết định khả năng hồi phục của chỉ số. Nếu bứt phá thành công, VN-Index có thể thoát khỏi nhịp điều chỉnh; trái lại, tín hiệu suy yếu tại đây sẽ cảnh báo rủi ro điều chỉnh trở lại. Ngưỡng hỗ trợ duy trì xu hướng bên dưới quanh mức 1770 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh có bóng phía trên, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1860 | 1920
- ✓ Kháng cự: 1980 | 2040.
- ✓ MACD, RSI cải thiện nhưng chưa xác nhận.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.
- ✓ **Kịch bản:** Vn30 bật tăng trở lại nhưng chưa thể đóng cửa ở mức cao nhất. Vùng cản 1970–1980 điểm sẽ quyết định khả năng hồi phục của chỉ số. Nếu bứt phá thành công, VN30 có thể thoát khỏi nhịp điều chỉnh; trái lại, tín hiệu suy yếu tại đây sẽ cảnh báo rủi ro điều chỉnh trở lại. Ngưỡng hỗ trợ duy trì xu hướng bên dưới quanh mức 1920 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	VPB	WATCH	Current price	28.20	P/E (x)	8.5
Exchange	HOSE		Watch zone	27.5 - 27.8	P/B (x)	1.3
Sector	Banks		Target price	30	EPS	3314.1
			Cut loss price	26.8	ROE	16.4%
					Stock Rating	BBB
					Scale Market Cap	Large



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA20, 50 ngày.
 - Thanh khoản tăng cho thấy dòng tiền cải thiện.
 - Chỉ báo MACD duy trì trên đường signal, cùng với RSI vận động trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh trung hạn yếu dần và giá khả năng tiếp tục quán tính tăng
- ➔ Khuyến nghị Theo dõi, quan sát khi giá hạ nhiệt về khu vực 27.5 – 27.8, nếu phản ứng kiểm định tốt có thể cân nhắc.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VPB	Theo dõi	18/09/2026	28.20	27.5 - 27.8	-	30	8.5%	26.8	-3.1%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PLX	Mua	15/09/2026	-	37.8	36.2 - 36.7	3.7%	40	9.7%	34.6	-5.1%	
2	PVD	Mua	15/09/2026	-	19.25	19.2 - 19.5	-0.5%	21.5	11.1%	18.3	-5.4%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1975.5, tăng 22.5 điểm (+1.1%). Giá hạ nhiệt đầu phiên nhưng đã sớm cân bằng và phục hồi mạnh mẽ sau đó.
- Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD duy trì trên đường signal và cải thiện lên miền dương, cùng RSI cũng phục hồi lên trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng vẫn giữ vững. Sau đó hạn, mức chênh lệch giữa hợp đồng 2M và 1M không lớn, nên vận động sẽ không bị ảnh hưởng nhiều đầu phiên. Nếu giá bứt phá và củng cố được trên ngưỡng 1980, chiều Long có thể cân nhắc. Chiều ngược lại, vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1965.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1866.8, tăng 17.1 điểm (+0.9%). Độ lệch basis 0.2 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 47 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1855 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1880 điểm.

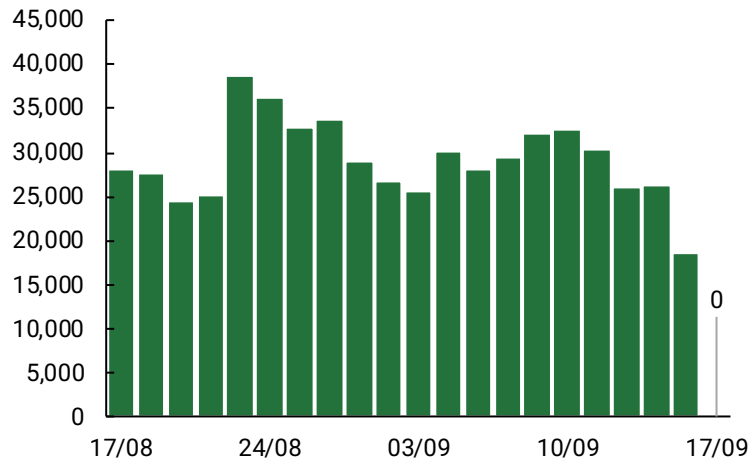
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Long	> 1980	1996	1972	16 : 8
Short	< 1965	1952	1972	13 : 7

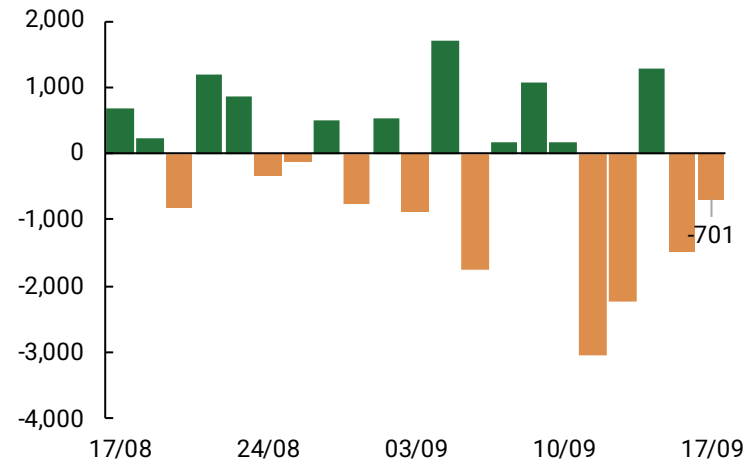
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
411H3000	1,973.0	24.6	43	261	1,992.5	-19.5	18/03/2027	182
411GC000	1,974.7	22.6	139	741	1,983.7	-9.0	17/12/2026	91
411GA000	1,977.0	25.0	35,087	24,816	1,977.7	-0.7	15/10/2026	28
411G9000	1,975.5	22.5	227,973	0	1,975.0	0.5	17/09/2026	0
4112G9000	1,866.8	17.1	47	0	1,866.6	0.2	17/09/2026	0

Khối lượng mở (Open interest)



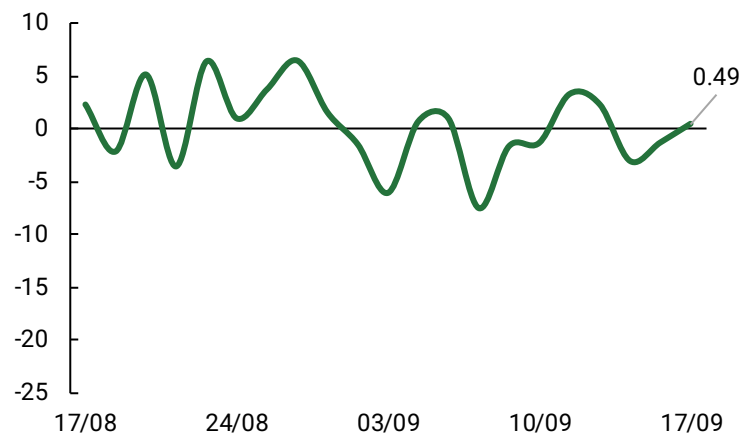
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



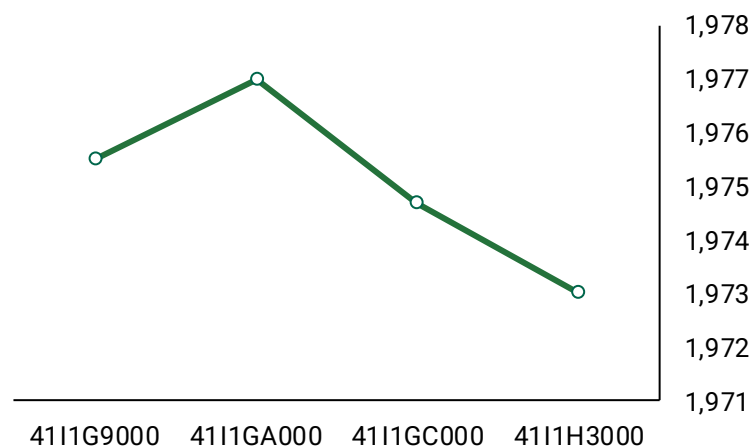
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



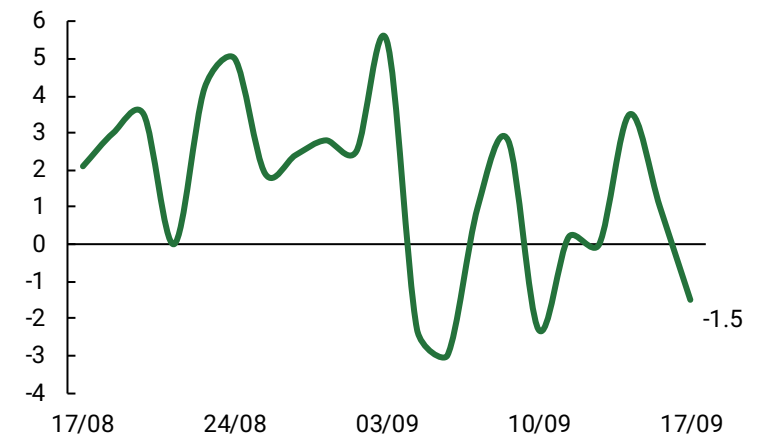
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



01/09	Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
03/09	Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
04/09	Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
09/09	Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
10 – 11/09	Mỹ – Chỉ số PPI, CPI EU – ECB công bố lãi suất
12/09	Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
15/09	Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
17/09	Mỹ – Fed công bố lãi suất Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
21/09	Trung Quốc – Lãi suất LPR Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
24/09	Thượng đỉnh Mỹ - Trung Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
30/09	Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

Fed tăng lãi suất lần đầu tiên sau hơn 3 năm: Kết thúc cuộc họp ngày 16/9, FOMC nhất trí nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản, đưa biên độ lãi suất tham chiếu lên 3.75–4%. Đây là lần tăng lãi suất đầu tiên của Fed kể từ tháng 7/2023, sau khi giữ nguyên trong các cuộc họp từ đầu năm. Dự báo mới cho thấy 16/18 quan chức Fed cho rằng có thể tăng thêm 1 lần trong những tháng còn lại của năm, trong khi 4 người để ngỏ khả năng có thêm 2 đợt tăng.

BRICS thông qua Tuyên bố New Delhi, tiếp tục thúc đẩy thanh toán ngoài USD: Hội nghị thượng đỉnh BRICS lần thứ 18 tại New Delhi đã thông qua “Tuyên bố New Delhi 2026” gồm 140 hạng mục. Tuyên bố kêu gọi duy trì dòng chảy thương mại quốc tế, bảo đảm năng lượng và thực phẩm, đồng thời phản đối các biện pháp thuế quan và trừng phạt đơn phương. BRICS cũng tiếp tục thảo luận việc giảm phụ thuộc vào USD trong giao dịch nội khối, phát triển hệ thống thanh toán điện tử và sử dụng đồng tiền của các nước thành viên, nhưng loại trừ ý tưởng phát hành đồng tiền chung.

Thủ tướng yêu cầu xử lý kể hờ chính sách, không để lợi ích nhóm chi phối: Tại phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 9/2026, Thủ tướng yêu cầu các bộ rà soát, hoàn thiện 8 dự án luật, nghị quyết dự kiến trình Quốc hội khóa XVI. Các nội dung liên quan đến ngân sách, đầu tư, thuế, đất đai, nhà ở và kinh doanh bất động sản. Thủ tướng yêu cầu xử lý chông chéo giữa các luật, cắt giảm thực chất thủ tục hành chính, không tạo thêm cơ chế “xin - cho” và không đẩy khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

POW - Doanh thu 8 tháng đạt hơn 43,600 tỷ đồng: PV Power ghi nhận gần 5,000 tỷ đồng doanh thu bán điện trong tháng 8/2026. Lũy kế 8 tháng, doanh nghiệp thu hơn 43,600 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành gần 87.5% kế hoạch doanh thu cả năm. Kết quả này tiếp tục phản ánh đóng góp từ các nhà máy điện chủ lực trong bối cảnh nhu cầu điện duy trì ở mức cao.

GEL - Huy động 2,860 tỷ đồng qua phát hành riêng lẻ: Hạ tầng GELEX thông qua phương án chào bán riêng lẻ 100 triệu cổ phiếu với giá 28,600 đồng/cp, dự kiến huy động 2,860 tỷ đồng. Nguồn tiền chủ yếu được dùng để tái cơ cấu các khoản vay phục vụ góp vốn vào dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình. Nếu hoàn tất, vốn điều lệ của GEL sẽ tăng từ 8,900 tỷ đồng lên 9,900 tỷ đồng.

PLX - Bán xong cổ phiếu quỹ, thu hơn 800 tỷ đồng: Petrolimex đã bán thành công toàn bộ hơn 23.28 triệu cổ phiếu quỹ theo phương thức khớp lệnh trên HOSE, thu về hơn 800 tỷ đồng. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của nhóm nhà đầu tư không phải cổ đông lớn tại PLX vượt ngưỡng 10%, giúp doanh nghiệp đáp ứng điều kiện duy trì tư cách công ty đại chúng.

HHV - Giải ngân xong hơn 497 tỷ đồng vốn huy động từ cổ phiếu: Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã giải ngân xong gần 496.7 tỷ đồng thu ròng từ đợt chào bán hơn 49.7 triệu cổ phiếu. Nguồn vốn được dùng chủ yếu để thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần tại Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo và ICV Việt Nam. Nửa đầu năm 2026, HHV ghi nhận doanh thu hơn 1,877 tỷ đồng, tăng 11.6% YoY; LNST đạt gần 389 tỷ đồng, tăng 20%.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	30,700	31,150	1.5%	Nắm giữ
CTG	31,400	40,700	29.6%	Mua
CTD	58,800	82,900	41.0%	Mua
DBD	46,000	66,000	43.5%	Mua
DDV	17,000	35,900	111.2%	Mua
DGW	45,400	47,500	4.6%	Nắm giữ
DPG	27,450	42,300	54.1%	Mua
DPR	37,950	46,500	22.5%	Mua
DRI	14,753	17,200	16.6%	Tăng tỷ trọng
EVF	11,700	14,400	23.1%	Mua
FRT	130,000	151,000	16.2%	Tăng tỷ trọng
GMD	76,600	88,900	16.1%	Tăng tỷ trọng
HAH	47,900	58,300	21.7%	Mua
HDG	16,050	30,900	92.5%	Mua
HHV	9,400	11,700	24.5%	Mua
HPG	21,200	31,600	49.1%	Mua
IMP	36,900	54,400	47.4%	Mua
KDH	15,600	38,800	148.7%	Mua
MCH	145,600	148,500	2.0%	Nắm giữ
MWG	73,100	115,600	58.1%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,550	27,500	33.8%	Mua
NLG	23,750	39,400	65.9%	Mua
NT2	20,550	27,700	34.8%	Mua
PHR	31,700	39,500	24.6%	Mua
PNJ	36,750	75,500	105.4%	Mua
PVS	33,300	33,250	-0.2%	Giảm tỷ trọng
PVT	22,600	26,000	15.0%	Tăng tỷ trọng
POW	12,600	17,500	38.9%	Mua
SAB	44,300	54,900	23.9%	Mua
SSI	21,150	31,200	47.5%	Mua
TLG	52,600	50,000	-4.9%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,650	41,700	27.7%	Mua
TCM	16,250	35,300	117.2%	Mua
TRC	22,300	22,950	2.9%	Nắm giữ
VCB	59,600	79,700	33.7%	Mua
VPB	28,200	36,500	29.4%	Mua
VCG	14,400	23,300	61.8%	Mua
VHC	50,700	58,000	14.4%	Tăng tỷ trọng
VNM	60,200	66,650	10.7%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

www.phs.vn

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415